

BẢNG ĐIỂM THI TỔNG CỤC 09.10.05.2025

STT	HỌ	TÊN	SBD	NĂM SINH	SỐ ID	CÁT ĐÁ	ĐIỂM CỘNG CUỐI KHÓA	SGVG	ĐÁP BỘT DESIGN	ĐIỂM CỘNG CUỐI KHÓA	TỔNG ĐIỂM VẼ (VẼ GEL, NỒI ĐÍNH ĐÁ, VMTH)	ĐIỂM CỘNG BÀI TẬP	TRUNG BÌNH THỰC HÀNH	ĐIỂM CỘNG SWS	TỔNG THỰC HÀNH	Lý Thuyết	Tổng cộng	Xếp Loại
1	Lê Thị Như	Bằng	003	29/03/1978	KP2400	8.3	+1	8.2	7.5	+1	36.5	+4	8.5	+0.5	9	7.7	8.6	Giỏi
2	Dương Thị Ngọc	Bích	004	30/08/1986	KP2370	7.6	+1	8.3	6.8	+1	32	+3	7.9		7.9	8.2	8	Giỏi
3	Nguyễn Đặng Hồng	Đào	007	02/11/1988	KP2469 TS tự do	8.8	+0.5	8.5	7.8	+1	41	+0	8.7		8.7	6.4	7.9	Khá
4	Phạm Thị	Diễm	009	02/03/2004	KP2327	6.8	+1	7.3	6.9	+1	37.5	+4	7.8	+0.5	8.3	6.4	7.7	Khá
5	Phạm Thị Mỹ	Dung	010	08/10/1990	KP2356	7.3	+1	7.7	7.6	+1	39	+4	8.3		8.3	9.2	8.6	Giỏi
6	Nguyễn Thị Thùy	Dương	011	11/09/1996	KP2503 HVF	7.6	+0	8.2	6.4	+0	37	+3	7.6		7.6	6.2	7.1	Khá
7	Lê Thị Uyển	Duy	012	27/09/2001	KP2306	7.3	+1	7.2	7.5	+1	36.5	+4	8	+0.5	8.5	9.4	8.8	Giỏi
8	Nguyễn Cửu Hoàng	Giang	013	13/09/1983	KP2451	8	+1	8.3	7.7	+1	38	+3	8.6		8.6	9.9	9	Xuất sắc
9	Lê Thị Thanh	Hà	014	06/08/1988	KP2394	7.7	+1	7.3	6.7	+1	38.5	+4	8.1		8.1	9.9	8.7	Giỏi
10	Đỗ Thị Thu	Hiền	016	02/09/1996	KP2403	9	+1	8.8	7.7	+1	42.5	+4	9.2	+0.5	9.7	9.6	9.7	Xuất sắc
11	Thị Kim	Hoàng	017	03/02/1986	KP2389	7.6	+1	8	6.8	+1	33	+3.5	7.9		7.9	6.4	7.4	Khá
12	Cù Thanh	Kiều	021	24/05/1983	KP2340	8	+1	8	6.9	+1	40	+4	8.4		8.4	7.8	8.2	Giỏi
13	Nguyễn Bá Thiên	Kim	022	02/09/2003	KP2161	7.3	+1	8.7	7.3	+1	39	+4	8.5		8.5	9.9	9	Xuất sắc
14	Nguyễn Thanh Thúy	Lan	023	20/03/1988	KP2395	7.9	+1	8	7.7	+0.5	37.5	+3	8.3	+0.5	8.8	8.5	8.7	Giỏi
15	Trần Thảo	Linh	024	28/12/1988	KP2404	7.7	+1	7.8	8.1	+1	40	+4	8.6	+0.5	9.1	8.7	9	Xuất sắc
16	Phạm Thị Diễm	My	026	22/05/2001	KP2358	7.6	+1	7.8	8	+1	37.5	+4	8.4	+0.5	8.9	8.6	8.8	Giỏi
17	Nguyễn Thị Kim	Ngân	027	31/10/1990	KP2502 TS tự do	8	+0	8.5	7.7	+1	39	+0	8.3		8.3	9.4	8.7	Giỏi
18	Lê Trường Thảo	Nguyên	028	12/12/1994	KP1951	7.4	+1	8	7.7	+1	34.5	+4	8.2		8.2	9.3	8.6	Giỏi
19	Lê Tam	Như	031	21/04/2001	KP2310	8.5	+1	8.7	7.5	+1	43.5	+4	9.1		9.1	10	9.4	Xuất sắc
20	Huỳnh Thị Phương	Nhung	032	24/05/1985	KP2508 HVF	7.6	+0.5	8.3	7.5	+0.5	37.5	+2.5	8.1		8.1	8.8	8.3	Giỏi
21	Lê Thị Minh	Oanh	034	06/01/2000	KP2252	7.9	+1	8	7.4	+1	37	+4	8.4		8.4	10	8.9	Giỏi
22	Nguyễn Ngọc	Phi	036	26/02/1993	KP2312	7.2	+1	7.5	7.3	+1	36	+4	8		8	9.4	8.5	Giỏi
23	Trần Thị Thu	Sa	038	10/08/1994	KP2175	7.2	+1	7.7	8.2	+1	42	+4	8.6	+0.5	9.1	9.5	9.2	Xuất sắc

BẢNG ĐIỂM THI TỔNG CỤC 09.10.05.2025

STT	HỌ	TÊN	SBD	NĂM SINH	SỐ ID	CÁT ĐÀ	ĐIỂM CỘNG CUỐI KHOÁ	SGVG	ĐÁP BỘT DESIGN	ĐIỂM CỘNG CUỐI KHOÁ	TỔNG ĐIỂM VẼ (VẼ GEL, NỒI ĐÍNH ĐÁ, VMTH)	ĐIỂM CỘNG BÀI TẬP	TRUNG BÌNH THỰC HÀNH	ĐIỂM CỘNG SWS	TỔNG THỰC HÀNH	Lý Thuyết	Tổng cộng	Xếp Loại
24	Châu Anh	Thư	043	27/11/1984	KP2363	7.1	+1	7.7	6.7	+1	32.5	+3	7.7		7.7	6.6	7.3	Khá
25	Vũ Thanh	Thư	044	19/01/2006	KP2194	7.8	+1	8.2	7	+1	37	+4	8.3		8.3	10	8.9	Giỏi
26	Huỳnh Ngọc Hoài	Thương	046	12/12/1999	KP2350	8.3	+1	8.7	7.8	+1	40	+4	8.9	+0.5	9.4	10	9.6	Xuất sắc
27	Phạm Thị Ngọc	Trâm	048	20/01/2002	KP2184	7.4	+1	6.7	7	+1	36.5	+3	7.8		7.8	8.4	8	Giỏi
28	Lý Hương	Trân	049	24/09/1980	KP2506 HVF	7	+0.5	8.2	7.4	+1	32.5	+2.5	7.8		7.8	8.6	8.1	Giỏi
29	Nguyễn Ngọc Vân	Trang	050	19/11/1991	KP2221	8.2	+1	7.7	7.6	+1	38	+4	8.5		8.5	9.9	9	Giỏi
30	Nguyễn Kiều	Trình	051	16/08/2002	KP2311	7.3	+1	9	7.7	+1	44	+4	8.9		8.9	9.9	9.2	Xuất sắc
31	Trương Diệp Tuyết	Vân	052	06/02/1990	KP2397	8.9	+1	8	7.5	+0.5	36.5	+3	8.5	+0.5	9	9.1	9	Xuất sắc
32	Trần Mộng Tường	Vi	054	15/12/1986	KP2436	7.5	+1	8.2	7.7	+1	39.5	+4	8.5		8.5	9.4	8.8	Giỏi
33	Quách Thị Mỹ	Vy	055	26/11/1981	KP2507 HVF	6.9	+0.5	8.8	7.4	+0.5	37.5	+3	8.1		8.1	8.3	8.2	Giỏi